

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C , sinh năm 1987

HKTT: SN 07 LVL, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH

Nơi ở hiện tại: SN ... QT, phường ĐV, thành phố TH, tỉnh TH

- **Bị đơn:** Anh Lê Đình T , sinh năm 1983

HKTT: SN 07 LVL, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH

Nơi ở hiện tại: SN 07 LVL, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH

- **Người có QLNVLQ:**

Ngân hàng Thương mại cổ phần VTB

Địa chỉ: Số ... THĐ, phường CN, quận HK, thành phố HN

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Chiến T - Phó phòng tổng hợp VTB - Chi nhánh Thanh Hóa

Địa chỉ: ...PCT, phường ĐB, thành phố TH, tỉnh TH

(*Ủy quyền số 1061/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021 của NHCT Việt Nam*)

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Đình T

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Đình T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Đình T có 02 con chung là Lê Minh T , sinh ngày 16/11/2010 và Lê Đình N , sinh ngày 24/8/2013; Anh chị thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung như sau: Sau khi ly hôn anh Lê Đình T trực tiếp

nuôi cháu Lê Minh T ; Chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi cháu Lê Đình N ; Chị C anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị Nguyễn Thị C , anh Lê Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị C , anh Lê Đình T đã tự thỏa thuận phân chia và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận cụ thể như sau: Sau khi ly hôn, anh Lê Đình T được quyền sở hữu sử dụng toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng có tổng trị giá là 932.991.000đ gồm: Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số ..., tờ bản đồ 60; Diện tích 111,9 m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất: LVL, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH; Đất đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CR 123 ngày 10/10/2019 mang tên anh Lê Đình T .

Anh Lê Đình T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất của mình theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Anh Lê Đình T có trách nhiệm hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị C số tiền 425.000.000đ (*bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*) để tạo lập nơi ở mới.

- *Về nghĩa vụ tài sản*: Chị Nguyễn Thị C , anh Lê Đình T , ông Lê Chiến T (người đại diện của VTB) thỏa thuận:

Tính đến ngày 23/12/2022 chị C anh T còn nợ VTB số tiền nợ là 800.020.532đ (trong đó nợ gốc 799.900.000đ, nợ lãi 120.532đ) theo “Hợp đồng cho vay” số 19137045/2019-HĐCV/NH ngày 16/10/2019 mà anh T , chị C đã ký kết với VTB.

Nay VTB, chị C, anh T thỏa thuận: Sau khi chị C anh T ly hôn, anh Lê Đình T chịu trách nhiệm thanh toán cho VTB toàn bộ số nợ của “Hợp đồng cho vay” số 19137045/2019-HĐCV/NH ngày 16/10/2019 nêu trên, số nợ tính đến ngày 23/12/2022 là 800.020.532đ (*tám trăm triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm ba hai đồng*); Đồng thời anh T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 24/12/2022 cho đến khi thực tế thanh toán hết số nợ trên cho VTB. Thời hạn và phương thức thanh toán giữ nguyên như đã thỏa thuận trong “Hợp đồng cho vay”. Trường hợp anh T không thanh toán nợ đúng thời gian và số tiền đã thỏa thuận tại “Hợp đồng cho vay” nêu trên thì VTB có quyền yêu cầu thi hành án một lần toàn bộ số nợ còn lại của “Hợp đồng cho vay” số 19137045/2019-HĐCV/NHCT420 ngày 16/10/2019 và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại “Hợp đồng thế chấp bất động sản” số 19137045/2019/HĐBĐ/NHCT420 ngày 16/10/2019 đã ký giữa anh T , chị C với VTB để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị C không phải chịu trách nhiệm trả nợ cho VTB.

- *Về án phí*: Chị C , anh T , VTB thỏa thuận chị Nguyễn Thị C chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tiền án phí chị C phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.450.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002411 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị C được nhận lại 10.300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh T chịu 18.000.000đ án phí đối với yêu cầu giải quyết về nợ chung.

*Đối với án phí việc phân chia tài sản chung:* Do chị C , anh T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Vì vậy chị C anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND xã Thiệu Giao, h. Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Nguyễn Thị Nga**